

Bản án số: 17/2021/HNGĐ-ST
Ngày 23/4/2021
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Bích Vân**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lê Ngọc Trâm**.

2. Bà **Võ Thị Trâm**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lưu Sĩ Ngọc Quân**, Thư ký
Tòa án nhân dân huyện HT, tỉnh TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Lâm Thúy Vi, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 635/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng
11 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên
tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **NDP**, sinh năm 1992; Địa chỉ: Tổ 9, ấp LTr, xã HT, thị
xã TrB, tỉnh TN (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **GTB**, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà H1/8^B, khu phố LT,
phường LTTr, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 09/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải
quyết vụ án, nguyên đơn chị NDP trình bày:**

Chị và anh GTB bắt đầu chung sống vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và
có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HT, thị xã TrB, tỉnh TN vào ngày
02/02/2013. Anh chị chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì bắt đầu phát
sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp nên vợ chồng thường

hay cãi vã nhau, tánh ý mỗi người một chí hướng và hoàn toàn trái ngược nhau, ngoài ra, do anh B.có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên tình cảm vợ chồng không còn như lúc đầu, không có tiếng nói chung, hôn nhân của anh chị trở nên bế tắc và không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân gần 01 năm nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Bình.

Về con chung: Anh chị chung sống có 01 con chung tên GTBL, sinh ngày 16/02/2010. Khi ly hôn, chị Ph. yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung GTBL, không yêu cầu anh B.cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Ph. trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Ph. trình bày không có.

Không ai nợ chị và anh Bình.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện HT:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Ph. có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh B.đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ph. và anh B.theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Chị NDP và anh GTB chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Ph. cho rằng nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, hay cãi vã nhau, ngoài ra, anh B.có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Anh chị đã nhiều lần bàn bạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không thể hàn gắn được. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph..

Anh chị có 01 con chung tên GTBL, sinh ngày 16/02/2010 đang sống cùng chị Ph., căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu L. cho chị Ph. trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị Ph. không yêu cầu anh B.cấp dưỡng nuôi con.

Chị Ph. khai nhận không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung.

Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị NDP có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh GTB đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Ph. và anh B.theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị NDP và anh GTB, thấy rằng: Chị Ph. và anh B.chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn. Sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, chị Ph. cho rằng nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, mỗi người một tánh ý, chí hướng hoàn toàn khác nhau, do anh B.có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và anh chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện nay đã ly thân nhau, anh chị không hàn gắn lại được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Ph. và cho chị Ph. được ly hôn với anh Bình.

[3] Về con chung: Chị Ph. và anh B.có 01 con chung GTBL, sinh ngày 16/02/2010 hiện đang sống cùng chị Ph. nên giao cháu L. cho chị Ph. trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận chị Ph. không yêu cầu anh B.cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Ph. khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Chị Ph. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị NDP đối với anh GTB.
Chị NDP được ly hôn với anh GTB.
2. Về con chung: Giao con chung GTBL, sinh ngày 16/02/2010 cho chị NDP trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.
Ghi nhận chị NDP không yêu cầu anh GTB cấp dưỡng nuôi con.
Anh B.có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị NDP khai nhận không yêu cầu giải

quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị NDP phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ph. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **0009357** ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị NDP và anh GTB vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN.
- VKSND tx. HT.
- CCTHADS tx. HT.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN